

THỎA THUẬN ĐẶT CỌC
DEPOSIT AGREEMENT
V/V: MUA BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ TẠI DỰ ÁN THE NINE
FOR SALES AND PURCHASE OF APARTMENTS IN THE NINE PROJECT

(Số:/2020/..../HHĐC/THENINE)
(No: / 2020 / / HDDC / THENINE)

giữa
Between

.....

Và
and

Ông/bà:
Mr./Mrs.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2020
Hanoi, date month year 2020

THỎA THUẬN ĐẶT CỌC
DEPOSIT AGREEMENT
V/V: MUA BÁN CĂN HỘ CHUNG CƯ TẠI DỰ ÁN THE NINE
FOR SALES AND PURCHASE OF APARTMENTS IN THE NINE PROJECT

(Số:/2020/..../HHĐC/THENINE)
(No: / 2020 /.... / HDDC / THENINE)

THỎA THUẬN ĐẶT CỌC VỀ VIỆC MUA BÁN CĂN HỘ (“Thỏa thuận”) được lập vào ngàytháng năm 2020, tại văn phòng Công ty chúng tôi, giữa:

DEPOSIT AGREEMENT FOR SALES AND PURCHASE OF APARTMENTS IN THE NINE PROJECT (“Agreement”) is made on....date...month.... in 2020, at our Company’s office, between:

BÊN A : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TOÀN**
PARTY A : **CẦU**
: **GLOBAL PROPERTY INVESTMENT CORPORATION**

Địa chỉ : Số 170 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa,
Address TP. Hà Nội
: *No. 170 La Thanh Street, O Cho Dua Ward, Dong Da District, Hanoi City*

Mã số DN (MST) : 0101647121 do Sở KH&ĐT TP Hà Nội cấp lần đầu ngày
Enterprise identification 27/04/2005
number (Tax code) : *0101647121 by the Hanoi Authority For Planning and Investment for the first time on April 27, 2005*

Điện thoại : 84-4-6288 3868 Fax: 84-4-6261 4789
Tel : *84-4-6288 3868 Fax: 84-4-6261 4789*

Đại diện : **Ông NGUYỄN QUỐC HIỆP**
Representative : *Mr. NGUYEN QUOC HIEP*

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
Position : *General Director*

Số tài khoản : 011 1122 686 888 Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBank)- Chi
Account number nhánh Hoàn Kiếm - PGD Lý Thái Tổ.
: *011 1122 686 888 Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank) - Hoan Kiem Branch - Ly Thai To Transaction Office.*

BÊN B:
PARTY B

Họ tên khách hàng :
Customer's full name

Địa chỉ thường trú :
Permanent address

ID/Passport :
ID Card No. / Passport No.

Địa chỉ liên hệ :

Address

Điện thoại :

Telephone

Email :

Email

Số tài khoản :

Account number

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “**Các Bên**” và gọi riêng là “**Bên**”).

(Party A and Party B hereinafter collectively referred to as “The Parties” and individually as “Party”).

XÉT RẰNG:

CONSIDER THAT:

(A) **BÊN A** là chủ đầu tư dự án “*Đầu tư xây dựng Tòa nhà hỗn hợp GP Tower*” (dự án có thể được gọi với tên thương mại là “**THE NINE**”) tại Số 9 Phạm Văn Đồng, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội (sau đây gọi tắt là “**Dự Án**”). Bên A có nhu cầu tìm kiếm và ký kết Hợp đồng mua bán căn hộ thuộc Dự Án với các cá nhân/tổ chức nước ngoài/Việt Nam;

PARTY A is the investor of the project “Construction Investment of GP Tower mixed-use building” (the project may be called with the trade name “THE NINE”) at No. 9 Pham Van Dong, Mai Dich, Cau Giay, Hanoi (hereinafter referred to as the “Project”). Party A has a need to search for and sign Apartment Sales and Purchase contracts under the Project with foreign/Vietnamese individuals/organizations;

(B) **BÊN B** là cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài/Việt Nam có đủ điều kiện mua và sở hữu căn hộ thuộc Dự Án và có nhu cầu mua Căn hộ của Dự Án đồng thời cam kết không hủy ngang việc mua Căn hộ theo các quy định tại Thỏa thuận này.

PARTY B is a foreign/Vietnamese individual or organization that is eligible to buy and own an apartment under the Project and has a need to buy the Apartment of the Project and commits not to cancel the purchase of Apartment according to the provisions of this Agreement.

NAY, VÌ VẬY, Bên A và Bên B đồng ý ký kết Thỏa thuận này với các điều khoản và điều kiện như sau:

NOW, therefore, Party A and Party B agree to sign this Agreement with the following terms and conditions:

1. MỤC ĐÍCH VÀ TIẾN ĐỘ THANH TOÁN

PURPOSE AND PAYMENT SCHEDULE

1.1. Bên B đặt cọc để đảm bảo việc ký kết Hợp đồng mua Căn hộ của Dự Án với Bên A, thông tin chi tiết Căn hộ đặt cọc như sau:

Party B makes a deposit to secure the signing of the Apartment Sales and Purchase contracts with Party A, details of the apartment deposit are as follows:

a. Thông tin Căn hộ

Apartment Information

Tầng <i>Floor</i>	:
Căn hộ (CH) <i>Apartment</i>	: CH..... : <i>Apartment.....</i>
Giá bán căn hộ <i>Apartment selling price</i>	: đồng/m2 (bao gồm VAT, chưa bao gồm 2% KPBT) : VND/m2 (<i>including VAT, not including 2% maintenance fee</i>)
Loại hình <i>Type</i>	: Căn hộ chung cư : <i>Apartment</i>
Tên thương mại dự án <i>Trade name of the project</i>	: The Nine : <i>The Nine</i>
Địa chỉ <i>Address</i>	: Số 9 Phạm Văn Đồng, P.Mai Dịch, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội : <i>No. 9 Pham Van Dong, Mai Dich ward, Cau Giay District, Hanoi</i>
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	: Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Toàn Cầu (GP.INVEST) : <i>Global Property Investment Corporation (GP.INVEST)</i>

Giá bán Căn hộ trên chưa bao gồm:

The abovementioned apartment selling price does not include:

- + Các khoản lệ phí trước bạ, phí và chi phí xin cấp Giấy chứng nhận cho Bên B, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm;
- + *Registration fees, fees and expenses for applying for the Certificate to Party B, annual non-agricultural land use tax;*
- + Chi phí kết nối, lắp đặt các thiết bị và sử dụng các dịch vụ cho Căn hộ gồm: dịch vụ bưu chính, viễn thông, truyền hình và các dịch vụ khác mà Bên B sử dụng cho riêng Căn hộ;
- + *Expenses for the connection, installation of equipment and use of services for the Apartment include: post, telecommunications, television and other services that Party B uses for the apartment;*
- + Phí bảo lãnh của Ngân hàng;
- + *Bank's guarantee fee;*

+ Các loại phí liên quan đến giao dịch qua chuyển khoản bao gồm (phí chuyển và phí rút ngoại tệ) và/hoặc các loại phí, lệ phí khác liên quan đến thanh toán Giá trị chuyển nhượng (nếu có);

+ *Fees related to transfer transactions include (transfer fee and foreign currency withdrawal fee) and / or other fees and charges related to the payment of Transfer Value (if any);*

+ Các chi phí quản lý chung của nhà chung cư, chi phí bảo trì bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật;

+ *General management costs of Condominium, maintenance costs for technical infrastructure;*

+ Các chi phí khác theo quy định của pháp luật và chủ đầu tư.

+ *Other costs as prescribed by law and investor.*

(Sau đây gọi tắt là “Nhà ở”)

(Hereinafter referred to as “Housing”)

b. Thời hạn thanh toán

Payment term

STT No.	Tiến độ thi công <i>Construction schedule</i>	Đợt thanh toán <i>Payment phase</i>	Tỷ lệ thanh toán <i>Payment Rate</i>	Tiến độ thanh toán <i>Payment schedule</i>
1	Đã hoàn thành tầng hầm, và thi công kết cấu đến Tầng 10 <i>Completed the basement, and constructed the structure to the 10th Floor</i>	Đợt 1 <i>Phase 1</i>	15% <i>15%</i>	Giá bán căn hộ gồm VAT (GBCH) thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Thỏa thuận này hoặc ngay khi chuyển sang ký Hợp đồng mua bán tùy điều kiện nào đến trước (Khoản tiền Đợt 1 này đã được trừ số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng (nếu có)). <i>The apartment selling price including VAT (ASP) is paid within 15 days from the date of signing this Agreement or right after signing the Sales and Purchase Contract whichever comes first (This Phase 1 amount will be deducted from the deposit of 100.000.000 VND (if any)).</i>
2		Đợt 2 <i>Phase 2</i>	15% <i>15%</i>	GBCH thanh toán trong vòng 60 ngày sau Đợt 1 <i>Payment of apartment selling price within 60 days after Phase 1</i>
3	Hoàn thành kết	Đợt 3	15%	GBCH thanh toán trong vòng 60

	cấu tầng 15 vào tháng 12/2020 <i>Completion of the 15th floor structure by December 2020</i>	<i>Phase 3</i>	15%	ngày sau Đợt 2 <i>Payment of Apartment Selling Price within 60 days after Phase 2</i>
4	Hoàn thành thi công kết cấu tầng 23 <i>Completion of construction of the 23rd floor structure</i>	Đợt 4 <i>Phase 4</i>	15% 15%	GBCH thanh toán trong vòng 60 ngày sau Đợt 3 <i>Payment of Apartment Selling Price within 60 days after Phase 3</i>
5	Hoàn thành thi công kết cấu tầng 30 <i>Completion of construction of the 30th floor structure</i>	Đợt 5 <i>Phase 5</i>	10% 10%	GBCH thanh toán trong vòng 60 ngày sau Đợt 4 <i>Payment of Apartment Selling Price within 60 days after Phase 4</i> (Dự kiến hoàn thành thi công kết cấu tầng 30 (cắt nóc)) <i>(Expect to complete construction of the 30th floor structure (topping out))</i>
6	Hoàn thiện và bàn giao căn hộ <i>Finishing and handover of apartment</i>	Đợt 6 <i>Phase 6</i>	25% + 5% + 2% kinh phí bảo trì 25% + 5% + 2% maintenance fee	Khi có thông báo bàn giao căn hộ từ GP.INVEST (Dự kiến hoàn thiện và bàn giao căn hộ), 5% Giá bán Căn hộ Bên B có trách nhiệm phải chuyển ngay vào tài khoản phong tỏa của Ngân hàng (Tên và số tài khoản sẽ do Bên A thông báo vào đợt nộp tiền cuối) <i>When there is an announcement on handover of the apartment from GP.INVEST (Expect to complete and handover the apartment), Party B is responsible for transferring immediately 5% Apartment Selling Price into the Escrow Account of the Bank (Name and account number will be notified by Party A upon the last deposit)</i>

Thời hạn thanh toán có thể được Bên A điều chỉnh cho phù hợp với tiến độ thi công và sẽ gửi Thông báo trước mười lăm (15) ngày cho Bên B nếu có sự điều chỉnh.

Party A's payment term can be adjusted to suit the construction schedule and will send a notice fifteen (15) days in advance to Party B if there is any adjustment.

- 1.2. Để bảo đảm không hủy ngang việc mua Nhà ở, **Bên B** đồng ý chuyển khoản tiền đặt cọc cho **Bên A** để mua Nhà ở tại Khoản 1.1 Điều 1 Thỏa thuận này.

In order to irrevocably purchase the Housing, Party B agrees to transfer the deposit to Party A to buy the Housing in Clause 1.1, Article 1 of this Agreement.

- 1.3. **Bên B** có nghĩa vụ ký Hợp đồng mua bán Nhà ở (“**Hợp đồng mua bán**”) với **Bên A** chậm nhất đến hết ngày 31/03/2021 hoặc theo ngày do **Bên A** thông báo qua email của **Bên B** tùy điều kiện nào đến trước.

Party B is obliged to sign the Housing sale and purchase Contract (“Sales and Purchase Contract”) with Party A at the latest on March 31, 2021 or on a date notified by Party A via email of Party B depending on which condition. come first.

- 1.4. Nếu hết thời hạn 31/3/2021 hoặc theo thông báo của **Bên A** tùy điều kiện nào đến trước mà **Bên B** không tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán với **Bên A** thì **Bên B** sẽ bị coi là vi phạm Thỏa thuận này.

If after March 31, 2021 or according to Party A's notice, whichever comes first, Party B does not sign the Sale and Purchase Contract with Party A, Party B will be considered to breach this Agreement. .

- 1.5. Để tránh nhầm lẫn, Các Bên tại Thỏa thuận này cùng đồng ý và thừa nhận rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào Thỏa thuận này cũng không được xem xét và giải thích như là (a): Thỏa thuận hợp tác đầu tư, Thỏa thuận hợp tác kinh doanh hoặc bất kỳ hình thức huy động vốn nào được quy định trong Luật Nhà Ở giữa **Bên A** với **Bên B**, hoặc (b): Hợp đồng mua bán Nhà ở.

With an aim to avoid confusion, the Parties in this Agreement mutually agree and acknowledge that under any circumstances this Agreement shall not be considered and construed as (a): Investment Cooperation Agreement, Business Cooperation Agreement or any form of capital mobilization specified in the Law on Housing between Party A and Party B, or (b): Housing Sales and Purchase Contract.

- 1.6. **Bên A** đã cung cấp đầy đủ cho **Bên B** nội dung Hợp đồng mua bán, hồ sơ pháp lý, thủ tục giấy tờ liên quan đến Dự án. **Bên B** đã đọc, hiểu, nắm rõ và đồng ý với các nội dung mà **Bên A** cung cấp.

Party A has provided Party B fully with the content of the Sales and Purchase Contract, legal documents, and paperwork related to the project. Party B has read, understood, acknowledged and agreed with the contents provided by Party A.

- 1.7. Kèm theo Thỏa thuận này là:

Attached to this Agreement are:

- a) Một (01) mẫu Hợp đồng mua bán Căn hộ chung cư số....;
One (01) form of Apartment Sales And Purchase Contract No... .;
- b) Một (01) bộ bản vẽ thiết kế trích lục từ bản thiết kế tổng hợp đã được phê duyệt bao gồm bản vẽ thiết kế mặt bằng Căn Hộ mua bán, bản vẽ thiết kế mặt bằng tầng có Căn Hộ mua bán đính kèm Hợp đồng mua bán;

One (01) set of design drawings extracted from the approved general design, including the design layout drawing of the apartment for sale, the design layout drawing of the floor of the apartment attached to the Apartment Sales And Purchase Contract;

- c) Một (01) bản danh mục vật liệu và trang thiết bị của Căn Hộ đính kèm Hợp đồng mua bán;

One (01) list of materials and equipment of the Apartment attached to the Apartment Sales And Purchase Contract;

- d) Một (01) phiếu tính giá Căn hộ.

One (01) apartment price slip.

2. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, LỊCH BIỂU CAM KẾT

GUARANTEE MEASURES, COMMITMENT SCHEDULE

2.1 Biện pháp Bảo đảm của Bên B

Guarantee Measures of Party B

Để bảo đảm không hủy ngang việc mua Nhà ở theo quy định tại Thỏa thuận này, **Bên B** sẽ chuyển cho **Bên A** một khoản tiền để **Bên A** tạm giữ làm bảo đảm cho giao dịch, theo lịch biểu như sau:

In order to ensure irrevocably purchasing the Housing as prescribed in this Agreement, Party B will transfer to Party A an amount of money for Party A to temporarily hold as guarantee for the transaction, according to the schedule as follows:

- a) **Số tiền đặt cọc:** 100.000.000 đồng ngay khi ký Thỏa thuận đặt cọc này.

Deposit amount: 100.000.000 VND right after signing this Deposit Agreement.

- b) **Đợt 1:** Số tiền là mười lăm phần trăm (15%) Giá bán căn hộ tương đương «... đồng (bằng chữ: ...)» thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Thỏa thuận đặt cọc này hoặc ngay khi chuyển sang ký Hợp đồng mua bán tùy điều kiện nào đến trước (Khoản tiền Đợt 1 này đã được trừ số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng (nếu có)).

Stage 1: The amount is fifteen percent (15%) of the apartment selling price, equivalent to «... VND (in words: ...), payable within 15 days from the date of signing this Deposit Agreement or as soon as signing the sales and purchase contract, whichever comes first (this Phase 1 amount has been deducted from a deposit of VND 100.000.000 (if any)).

- c) **Đợt 2:** Số tiền là mười lăm phần trăm (15%) Giá bán căn hộ tương đương «... đồng (bằng chữ: ...)» thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày Đợt 1.

Phase 2: The amount is fifteen percent (15%) the selling price of the apartment, equivalent to «... VND (in words: ...), payable within 60 days from the date of the Phase 1.

- d) **Đợt 3:** Số tiền là mười lăm phần trăm (15%) Giá bán căn hộ tương đương «... đồng (bằng chữ: ...)» thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày Đợt 2.

Phase 3: The amount is fifteen percent (15%) the selling price of the apartment, equivalent to «... VND (in words: ...), payable within 60 days from the date of the Phase 2.

- e) **Đợt 4:** Số tiền là mười lăm phần trăm (15%) Giá bán căn hộ tương đương «... đồng (bằng chữ:) thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày Đợt 3.

Phase 4: The amount is fifteen percent (15%) the selling price of the apartment, equivalent to «... VND (in words: ...), payable within 60 days from the date of the third stage.

- f) **Đợt 5:** Số tiền là mười phần trăm (10%) Giá bán căn hộ tương đương «... đồng (bằng chữ:) thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày Đợt 4.

Phase 5: The amount is ten percent (10%) of the selling price of the apartment equivalent to «... VND (in words: ...), payable within 60 days from the date of Phase 4.

- g) Đợt thanh toán tiền tiếp theo: Theo thông báo từ **Bên A** hoặc **Bên B** thực hiện theo tiến độ quy định tại điểm b Khoản 1.1 Điều 1 Thỏa thuận này tùy điều kiện nào đến trước.

The next payment phase: According to the notice from Party A or Party B, follow the progress specified at Point b, Clause 1.1, Article 1 of this Agreement, whichever comes first.

(Sau đây gọi chung là “**Khoản Tiền Đặt Cọc**”)

(*Hereinafter referred to as “**Deposit Amount**”*)

- 2.2 **Khoản Tiền Đặt Cọc** sẽ do **Bên A** tạm giữ, không được tính lãi và được xử lý tùy thuộc vào từng trường hợp được quy định dưới đây.

*The **Deposit Amount** will be temporarily held by Party A, interest free and will be handled depending on each case as specified below.*

- 2.3 **Khoản Tiền Đặt Cọc** tương đương 10% Giá bán căn hộ sẽ không được hoàn trả trong trường hợp **Bên B** không ký kết Hợp đồng mua bán theo quy định tại Khoản 1.3 Điều 1 Thỏa thuận này hoặc theo thông báo của **Bên A**. Trong trường hợp này, **Bên A** nhận và hưởng **Khoản Tiền Đặt Cọc** tương đương 10% Giá bán căn hộ như khoản tiền phạt vi phạm.

***Deposit amount** equal to 10% of the apartment selling price will not be refunded in case Party B does not sign the Sales and Purchase Contract as prescribed in Clause 1.3, Article 1 of this Agreement or as notified by Party A. In this case, Party A will receive and take the **Deposit amount** equivalent to 10% of the Apartment Selling Price as a fine for violation.*

- 2.4 **Khoản Tiền Đặt Cọc** sẽ được chuyển vào tài khoản của **Bên A** và khấu trừ vào số tiền thanh toán theo quy định tại Hợp đồng mua bán khi **Bên B** ký kết Hợp đồng mua bán. Nội dung của Hợp đồng mua bán được căn cứ theo mẫu của **Bên A**.

*The **Deposit amount** will be transferred to Party A's account and deducted from the payment amount as specified in the Sales and Purchase Contract when Party B signs the Sale and Purchase Contract. The content of the sales and purchase contract is based on the form set by Party A.*

- 2.5 **Khoản Tiền Đặt Cọc** nêu trên sẽ được hoàn trả đầy đủ cho **Bên B** cộng với một khoản phạt quy định tại điểm c Khoản 4.3 Điều 4, trong trường hợp **Bên A** không ký kết Hợp đồng mua bán với **Bên B** mà không có lý do khách quan.

The above deposit amount will be fully refunded to Party B plus a fine specified at Point c, Clause 4.3, Article 4, in case Party A does not sign the Sales and Purchase Contract with Party B without any objective reason.

- 2.6 **Bên A** cam kết việc ký kết Hợp đồng mua bán với **Bên B** trong thời hạn 31/03/2020 hoặc thời hạn do Bên A thông báo tùy theo thời hạn nào đến trước với điều kiện **Bên B** chuyển đầy đủ số tiền theo tiến độ Khoản Tiền Đặt Cọc quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 Thỏa thuận này. Trường hợp tiến độ Dự Án bị kéo dài vì lý do khách quan, **Bên A** phải thông báo cho **Bên B** biết lý do hợp lý. Trong trường hợp vì lý do bất khả kháng (lý do khách quan ngoài tầm kiểm soát của **Các bên**), thì thời hạn đảm bảo ký Hợp đồng mua bán được kéo dài tương ứng.

Party A commits to sign the sales and purchase contract with Party B within the period of March 31, 2020 or the term announced by Party A, whichever comes first, provided that Party B fully transfers the money following the schedule. The amount of the Deposit is specified in Clause 2.1, Article 2 of this Agreement. In case the project progress is prolonged due to objective reasons, Party A must notify Party B of the reasonable reason. In case of force majeure (objective reasons beyond the control of the Parties), the guarantee period for signing the sales and purchase contract is extended accordingly.

- 2.7 Sau khi **Bên B** thanh toán số tiền đặt cọc tại Điểm a Khoản 2.1 Điều này, trường hợp vì lý do khách quan dẫn đến **Bên B** chưa ký kết Hợp đồng mua bán với **Bên A** theo thời hạn nêu tại Khoản 1.3 nêu trên thì **Bên B** vẫn tôn trọng các điều khoản của Thỏa thuận này và thực hiện đóng Khoản Tiền Đặt Cọc các Đợt theo đúng thời hạn quy định tại Điểm b, c, d, e, f, g Khoản 2.1 Điều này hoặc theo thông báo của Bên A.

After Party B pays the deposit amount specified at Point a, Clause 2.1 of this Article, in case Party B has not signed the sales and purchase contract with Party A by the time limit specified in Clause 1.3 above for objective reasons Party B still adheres to the terms of this Agreement and makes payment of the Deposit amount on time as prescribed at Points b, c, d, e, f, g Clause 2.1 of this Article or as notified by Party A.

- 2.8 Phương thức thanh toán:

Payment method:

- **Bên B** Thanh toán bằng tiền Đồng Việt Nam thông qua hình thức Tiền mặt:

- Party B pays in Vietnam Dong in Cash:

(i) Tại Phòng Kế toán- Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Toàn Cầu, Tầng 5, tòa nhà Trường Thịnh Building, Số 01 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội.

(i) At the Accounting Department - Global Property Investment Corporation, 5th Floor, Truong Thinh Building, No. 01 Phung Chi Kien, Nghia Do, Cau Giay, Hanoi.

(Hoặc);

(Or);

- **Bên B** thanh toán chuyển khoản cho **Bên A** bằng tiền Đồng Việt Nam theo thông tin cụ thể như sau:

- Party B makes a bank transfer payment to Party A in Vietnamese Dong according to the following specific information:

- (i) Tên chủ tài khoản: **Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Toàn Cầu**
Account holder name: Global Property Investment Corporation
- (ii) Số tài khoản : 011 1122 686 888
Account number: 011 1122 686 888
- (iii) Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBank)- Chi nhánh Hoàn Kiếm - PGD Lý Thái Tổ.
Bank: Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank) - Hoan Kiem Branch - Ly Thai To Transaction Office.

(Hoặc):

(Or):

- **Bên B** thanh toán chuyển khoản cho **Bên A** bằng tiền USD theo thông tin cụ thể như sau:

Party B makes a bank transfer payment to Party A in USD according to the following specific information:

- (i) Tên chủ tài khoản: **Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Toàn Cầu**
Account holder name: Global Property Investment Corporation
- (ii) Số tài khoản : 085 1183 368 888
Account number: 085 1183 368 888
- (iii) Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBank)- Chi nhánh Hoàn Kiếm – Swift code (BIC): MSCBVNVX
Bank: Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank) - Hoan Kiem Branch - Swift code (BIC): MSCBVNVX

Đối với những khoản thanh toán qua chuyển khoản, chi phí chuyển hoặc rút ngoại tệ do **Bên B** chịu./.

For payments via bank transfer, fee of foreign currency transfer or withdrawal will be borne by Party B./.

3. QUYỀN NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE PARTIES

3.1 Quyền và Nghĩa vụ của **Bên A**:

Rights and Obligations of Party A:

- a) Đảm bảo **Bên B** ký kết Hợp đồng mua bán mua được Nhà ở với các thông tin quy định tại Khoản 1.1 Điều 1 của Thỏa thuận này;
Ensuring that Party B can sign the Sale and purchase Contract of the Housing with the information specified in Clause 1.1, Article 1 of this Agreement;
- b) Hướng dẫn **Bên B** trong việc ký kết Hợp đồng mua bán;
Instructing Party B to sign the Sales and Purchase Contract;
- c) Nhận và quản lý **Khoản Tiền Đặt Cọc** và tiền thanh toán qua các đợt của Bên B theo đúng lịch biểu quy định tại Điều 2 của Thỏa thuận này;

Receiving and managing the Deposit Amount and payment amount in each phase of Party B in accordance with the schedule specified in Article 2 of this Agreement;

- d) Xử lý **Khoản Tiền Đặt Cọc** và tiền thanh toán qua các đợt đã nhận từ **BÊN B** theo quy định tại Khoản 2.3, Khoản 2.4 và Khoản 2.5 Điều 2 của Thỏa thuận này;

Processing the Deposit amount and payment amount in each phase received from Party B as prescribed in Clause 2.3, Clause 2.4 and Clause 2.5 Article 2 of this Agreement;

- e) Đảm bảo việc ký Hợp đồng mua bán trong thời hạn quy định tại Điều 2.6 của Thỏa thuận này.

Ensuring the signing of the Sales and Purchase Contract within the period specified in Article 2.6 of this Agreement.

3.2 Quyền và Nghĩa vụ của **Bên B**:

Rights and Obligations of Party B:

- a) Được yêu cầu **Bên A** cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới tiến độ thực hiện Dự Án;

Having the right to request Party A to provide information and documents related to the project implementation progress;

- b) Cung cấp thông tin, giấy tờ có liên quan theo yêu cầu của **Bên A** để thực hiện Thỏa thuận này và đề ký kết Hợp đồng mua bán ;

Providing relevant information and papers at the request of Party A to perform this Agreement and to sign the Sales and Purchase Agreement;

- c) Chuyển cho **Bên A** **Khoản Tiền Đặt Cọc** và tiền thanh toán qua các đợt theo đúng lịch biểu quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của Thỏa thuận này;

Transferring to Party A the Deposit amount and payment amount in each phase according to the schedule specified in Clause 2.1, Article 2 of this Agreement;

- d) Ký kết Hợp đồng mua bán trong thời hạn quy định tại Khoản 1.3 Điều 1 của Thỏa thuận này;

Signing the Sales and purchase contract within the term specified in Clause 1.3, Article 1 of this Agreement;

- e) Nhận lại **Khoản Tiền Đặt Cọc** và tiền thanh toán qua các đợt từ **BÊN A** trong trường hợp theo quy định tại Khoản 2.5 Điều 2 của Thỏa thuận này;

Receiving back the Deposit amount and payment amount in each phase from Party A in the case as prescribed in Clause 2.5, Article 2 of this Agreement;

- f) Thanh toán cho **Bên A** lãi suất được tính bằng 0,05%/ngày trong trường hợp chậm chuyển **Khoản Tiền Đặt Cọc** và tiền thanh toán qua các đợt tính trên số tiền chậm và số ngày chậm tính đến ngày chuyển khoản thành công thực tế.

Paying Party A the interest rate of 0.05%/day in case of delay in transferring the Deposit Amount and payment amount in each phase for the delayed amount and the number of delayed days until the date of successful transfer in reality.

4. THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT THỎA THUẬN

AGREEMENT TERM AND TERMINATION OF AGREEMENT

- 4.1. Thỏa thuận này có hiệu lực từ ngày ký và sẽ tự động chấm dứt khi **Các Bên** ký Hợp đồng mua bán và **Bên B** đã chuyển **Khoản Tiền Đặt Cọc** cho **Bên A**. Trước khi ký Hợp đồng mua bán, **Bên B** sẽ phải bàn giao lại bản gốc của Thỏa thuận này và các chứng từ (phiếu thu, xác nhận chuyển khoản (nếu có)) cho **BÊN A**.

This Agreement takes effect from the date of signing and will automatically terminate when the Parties sign the Sales and Purchase Contract and Party B has transferred the Deposit amount to Party A. Before signing the Sales and Purchase Contract, Party B will have to hand over the original of this Agreement and the documents (receipt, transfer confirmation (if any)) to Party A.

- 4.2. Thỏa thuận này có thể chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

This Agreement may be terminated ahead of time when one of the following occurs:

- a) Các Bên đồng ý bằng văn bản chấm dứt trước Thỏa thuận này;

The Parties agree in writing to early terminate this Agreement;

- b) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Thỏa thuận khi:

Party A has the right to unilaterally terminate the Agreement when:

- **BÊN B** vi phạm tiến độ chuyển **Khoản Tiền Đặt Cọc** quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mỗi đợt theo quy định tại Khoản 2.1 Điều 2;

Party B violates the schedule of transferring the Deposit for more than 15 (fifteen) days from the due date of each phase as prescribed in Clause 2.1 of Article 2;

- **BÊN B** vi phạm nghĩa vụ không thực hiện ký Hợp đồng mua bán với **Bên A** mà không có thông báo lý do khách quan;

Party B violates the obligation of not performing the Sales and purchase contract with Party A without notifying the objective reason;

- c) Theo quyết định của **Bên B** bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước 30 (Ba mươi) ngày cho **Bên A** trong trường hợp **Bên A** vi phạm tiến độ ký kết Hợp đồng mua bán quá 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày hết thời hạn cam kết quy định tại Điều 2.6 của Thỏa thuận này;

Under the decision of Party B by sending a written notice 30 (Thirty) days in advance to Party A in case Party A violates the progress of signing the Sales and Purchase Agreement more than 30 (Thirty) days from the expiration date of the commitment period specified in Article 2.6 of this Agreement;

- 4.3 Xử lý hệ quả khi chấm dứt như sau:

Handling consequences of termination as follows:

- a) Trường hợp chấm dứt theo điểm a Khoản 4.2 Điều 4 hai bên Thỏa thuận xử lý hệ quả khi chấm dứt;

In case of termination under Point a, Clause 4.2, Article 4, the two parties agree to deal with the consequences upon termination;

- b) Trường hợp chấm dứt Thỏa thuận theo quy định tại điểm b, khoản 4.2 Điều 4 nếu:

In case of termination of the Agreement under Point b, Clause 4.2 of Article 4 if:

- (i) **Bên B** mới hoàn thành đóng số tiền đặt cọc là 100.000.000 VNĐ, Bên B sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc đã nộp cho **Bên A**.

Party B has just completed the payment of the deposit amount of 100.000.000 VND, Party B will not receive back the deposit amount paid to Party A.

- (ii) **Bên B** đã đóng Khoản Tiền Đặt Cọc Đợt 1 và các đợt tiếp theo, Bên B bị phạt 10% Giá bán Căn hộ.

Party B has paid the Deposit Amount of Phase 1 and in the following phases, Party B is fined 10% of the Apartment Selling Price.

- c) Trường hợp chấm dứt theo điểm c Khoản 4.2 Điều 4 **Bên A** phải hoàn trả lại toàn bộ **Khoản Tiền Đặt Cọc** đã nhận và một khoản phạt tùy từng trường hợp cụ thể dưới đây;

In case of termination under Point c, Clause 4.2, Article 4, Party A must refund all the received Deposit amount and a fine depending on each specific case below;

- (i) Nếu **Bên B** mới hoàn thành đóng số tiền đặt cọc là 100.000.000 VNĐ, Bên A chịu phạt 100.000.000 VNĐ cho **Bên B**.

If Party B has completed the payment of the deposit amount of 100.000.000 VND, Party A will be fined 100.000.000 VND for Party B.

- (ii) Nếu **Bên B** đã đóng Khoản Tiền Đặt Cọc Đợt 1 và các đợt tiếp theo, **Bên A** bị phạt 10% Giá bán Căn hộ.

If Party B has paid the Deposit Amount of Phase 1 and the next phases, Party A will be fined 10% of the Apartment Selling Price.

5. BẢO MẬT VÀ KHÔNG TIẾT LỘ

SECURITY AND NON-DISCLOSURE

- 5.1. Trong suốt và sau Thời Hạn, **Bên B** không được tiết lộ bất kỳ thông tin, kiến thức và mọi vấn đề bí mật khác liên quan đến Thỏa thuận này hoặc các hoạt động đã được thực hiện hoặc sẽ được thực hiện theo Thỏa thuận này cho bất kỳ bên thứ ba nào (“**Thông tin Bí mật**”) ngoại trừ trong việc thực thi các nghĩa vụ và trách nhiệm hợp lý và hợp pháp theo Thỏa thuận này hoặc được yêu cầu thực hiện bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào.

*During and after the Term, Party B is not allowed to disclose any information, knowledge and any other confidential matters related to this Agreement or the activities that have been performed or will be performed under this Agreement to any third party (“**Confidential Information**”) except in performing reasonable and legal obligations and responsibilities under this Agreement or required to implement by any competent authority.*

- 5.2. Tất cả các tài liệu liên quan đến Thông tin Bí mật sẽ vẫn là tài sản của **Bên A** trong suốt và sau Thời Hạn. Mọi Thông tin Bí mật dưới bất kỳ hình thức nào và các bản sao của Thông tin Bí mật sẽ được trả lại ngay lập tức cho **Bên A** ngay khi chấm dứt Thỏa thuận

này vì lý do gì hoặc theo yêu cầu của **Bên A**. Một phương án khác là khi hết hạn hoặc chấm dứt sớm Thỏa thuận này, **Bên B** có thể lựa chọn cách tiêu hủy mọi chi tiết của Thông tin Bí mật hiện đang do mình giữ bằng cách gửi chỉ thị bằng văn bản cho **Bên A**. **Bên A** có quyền kiện yêu cầu bồi thường như là một khoản bồi hoàn cho các thiệt hại phải gánh chịu nếu có bất kỳ vi phạm nào đối với các quy định này.

All documents related to Confidential Information will remain the property of Party A during and after the Term. All Confidential Information in any form and copies of Confidential Information will be immediately returned to Party A upon termination of this Agreement for any reason or at the request of Party A. Another option is that upon the expiration or early termination of this Agreement, Party B may choose to destroy all details of Confidential Information currently kept by itself by sending written instructions to Party A. Party A has the right to sue the claim as a reimbursement for damages incurred if there is any breach of these regulations.

5.3. Điều này vẫn có hiệu lực sau khi đã chấm dứt Thỏa thuận này.

This will remain in effect after terminating this Agreement.

6. CHUYỂN NHƯỢNG

ASSIGNMENT

6.1 **Bên A** có quyền chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Thỏa thuận này cho một tổ chức hoặc cá nhân khác mà không cần sự chấp thuận của **Bên B** với điều kiện bên nhận chuyển nhượng của **Bên A** có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của **Bên A** theo Thỏa thuận này với **Bên B**.

Party A has the right to assign all rights and obligations of this Agreement to another organization or individual without Party B's consent provided that the assignee of Party A is obliged to continue the of the rights and obligations of Party A under this Agreement with Party B.

6.2 **Bên B** không có quyền chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của mình theo Thỏa thuận này cho một bên khác trừ khi được sự chấp thuận bằng văn bản của **Bên A**. Trong trường hợp **Bên A** chấp thuận chuyển nhượng như vậy thì việc chuyển nhượng phải thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật và thủ tục do **Bên A** áp dụng.

Party B has no right to assign its rights and obligations under this Agreement to another party unless it is approved in writing by Party A. In case Party A accepts such assignment, the assignment must comply with the provisions of law and procedures applied by Party A.

7. SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

FORCE MAJEURE EVENTS

7.1

a) Các Bên nhất trí sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Các Bên theo Thỏa thuận mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Trong phạm vi Thỏa thuận này, Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau: Do chiến tranh hoặc do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, bạo loạn, đình công, tội phạm hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước hoặc do phải thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do tai

nạn, ốm đau thuộc diện phải di cấp cứu tại cơ sở y tế, do mưa bão lớn, lệnh cấm đường, hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định.

The Parties agree that a force majeure event is an event that occurs objectively that cannot be foreseen and can not be overcome which directly affects the performance of the Parties' rights and obligations under the Agreement even though all necessary measures and permissible abilities have been taken. For the purposes of this Agreement, Force Majeure Event includes but is not limited to the following: Due to war or by Act of God , epidemic, fire, riot, strike, crime or change in lawful policy of the State or due to the implementation of a decision of a competent authority, an accident or illness that requires an emergency at a medical facility, due to heavy rain, a road ban, or other cases as stipulated by law.

- b) Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là trường hợp bất khả kháng.

Any financial hardship will not be considered a force majeure event.

- 7.2 Khi xuất hiện một trong các trường hợp bất khả kháng theo Thỏa thuận tại Khoản 7.1 Điều này thì Bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng phải thông báo (bằng văn bản) cho Bên còn lại biết trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng (nếu có giấy tờ chứng minh về lý do bất khả kháng thì Bên bị tác động phải xuất trình giấy tờ này). Việc Bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Thỏa thuận và cũng không phải là cơ sở để bên còn lại có quyền chấm dứt Thỏa thuận này.

When one of the force majeure events occurs under the Agreement in Clause 7.1 of this Article, the Party affected by the force majeure must notify (in writing) the other party within 20 days, from the date of the force majeure event (if there are papers proving the reason for force majeure, the affected Party must present this document). The failure of the Party affected by force majeure to perform its obligations will not be considered a breach of its obligations under the Agreement nor is the basis for the other party to have the right to terminate this Agreement.

- 7.3 Việc thực hiện nghĩa vụ theo Thỏa thuận của các bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng. Các bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt. Bên bị ảnh hưởng bởi bất khả kháng sẽ có thêm thời gian để thực hiện nghĩa vụ tương ứng với thời hạn của bất khả kháng.

The parties' performance of obligations under the Agreement will be suspended during the force majeure event. The parties will continue to perform their obligations after the force majeure event ends. The party affected by force majeure will have more time to perform the obligation corresponding to the time limit of the force majeure.

8. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

GOVERNING LAW AND DISPUTE RESOLUTION

- 8.1 Thỏa thuận này sẽ được diễn giải và điều chỉnh theo quy định của luật pháp Việt Nam.

This Agreement will be construed and governed in accordance with the laws of Vietnam.

- 8.2 Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp (“**Tranh chấp**”) nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thỏa thuận này hoặc bất kỳ quyền và nghĩa vụ của Các Bên liên quan đến Thỏa thuận này, Các Bên sẽ giải quyết tranh chấp trước tiên thông qua thương lượng. Trong trường hợp không đạt được Thỏa thuận trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ phát sinh Tranh chấp, một bên có thể đưa Tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của luật pháp Việt Nam. Các Bên đồng ý tuân thủ phán quyết của Tòa án và phán quyết đó có giá trị ràng buộc Các Bên.

*In the event of any dispute (“**Dispute**”) arising out of or relating to this Agreement or any of the Parties' rights and obligations in connection with this Agreement, the Parties will first resolve the dispute through negotiation. In case of failure to reach an Agreement within thirty (30) days from the arising of the Dispute, a party may bring the Dispute to a competent court in accordance with Vietnamese law. The Parties agree to comply with the Court's decision and such judgment is binding on the Parties.*

9. TOÀN BỘ THỎA THUẬN

ENTIRE AGREEMENT

Thỏa thuận này sẽ thay thế bất kỳ và tất cả các cuộc thảo luận, đàm phán, Thỏa thuận khác bằng lời nói hoặc bằng văn bản giữa Các Bên.

This Agreement shall supersede any and all oral or written discussions, negotiations or other agreements between the Parties.

10. THÔNG BÁO

NOTIFICATION

- 10.1 Địa chỉ để các Bên nhận thông báo của Bên kia:

Address for the Parties to receive notices of the other Party:

- a) **Bên A:** Theo địa chỉ như đã nêu ở thông tin về **Bên A**;

Party A: According to the address as stated in the Party A's information part;

- b) **Bên B:** Theo địa chỉ như đã nêu ở thông tin về **Bên B**.

Party B: According to the address as stated in the Party B's information part;

- 10.2 Hình thức thông báo giữa các Bên: Bằng văn bản và phải được gửi qua một trong các cách sau: email, fax, thư bảo đảm, chuyển phát nhanh hoặc chuyển trực tiếp có đại diện của một trong các Bên ký nhận.

Form of notification between the Parties: In writing and must be sent by one of the following ways: email, fax, registered mail, courier or direct delivery signed to confirm by representative of one of the Contracting Parties.

- 10.3 Bên nhận thông báo có nghĩa vụ tiếp nhận thông báo và đảm bảo phải có người được thay mặt tiếp nhận thông báo trong trường hợp không có mặt tại địa chỉ đăng ký.

The notice-receiving party is obliged to receive the notice and ensure that there is a person represent to receive the notice in case the notice-receiving party is not present at the registered address.

- 10.4 Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến Thỏa thuận này phải được lập thành văn bản. Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu gửi đến đúng địa chỉ, đúng tên người nhận thông báo, đúng hình thức thông báo theo Thỏa thuận tại Khoản 10.1, Khoản 10.2 và Khoản 10.3 Điều này và trong thời gian như sau:

Any notices, requests, information or complaints arising in connection with this Agreement must be in writing. The two Parties agree that notices, requests and complaints are considered received if sent to the correct address, name of the recipient, and in the right form of notice under the Agreement in Clause 10.1, Clause 10.2 and Clause 10.3 This and for the duration as follows:

- a) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo;
On the sending date in case the mail is delivered in person and signed by the recipient of the notice;
- b) Vào ngày Bên gửi nhận được thông báo chuyển email/fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng email/fax;
On the date the sender receives the notification of successful email / fax transfer in case of sending the notice by email / fax;
- c) Vào ngày xác nhận kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư chuyển phát nhanh;
On the confirmation date from the date of postmarking in case of sending the notice by courier mail;
- d) Các Thỏa thuận khác do các Bên Thỏa thuận .
Other agreements as agreed by the Parties.

- 10.5 Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi (*địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo do các Bên Thỏa thuận*) mà Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

The Parties must notify each other in writing if there is a request for changes in the address, form and name of the recipient of the notice; If there has been a change (address, form, name of the recipient of the notice as agreed by the Parties) but the Party having change does not notify the other Party, the sending Party is not responsible if the Party having change does not receive the notification document.

11. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

OTHER TERMS

- 11.1 Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản gốc, bằng tiếng Việt và Tiếng Anh, các bản Thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản. Trong trường hợp có sự khác biệt, mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh, nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

This Agreement takes effect from the date of signing and is made into 04 originals, in Vietnamese and English, the Agreement has the same legal validity, Party A keeps 03

originals, Party B keeps 01 original. In case of discrepancies or contradictions between Vietnamese content and English content, Vietnamese content shall prevail.

- 11.2 Bất cứ phần, điều khoản hoặc quy định nào của Thỏa thuận này mà trở nên bất hợp pháp, vô hiệu, hết hiệu lực hoặc không thể thi hành theo Luật pháp Việt Nam sẽ được xem là không có hiệu lực với Các Bên, và không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản còn lại của Thỏa thuận.

Any part, term or regulation of this Agreement that becomes illegal, invalid, void or unenforceable under the Law of Vietnam shall be deemed void for the Parties, and does not affect the validity of the remaining terms of the Agreement.

- 11.3 Bất kỳ sửa đổi nào của Thỏa thuận này sẽ ràng buộc có hiệu lực nếu được lập bằng văn bản và được ký bởi Các Bên.

Any amendment to this Agreement shall be binding to be valid if made in writing and signed by the Parties.

- 11.4 Mọi sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận phải được hai Bên thoả thuận bằng văn bản. Các phụ lục Thỏa thuận, các bản sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận (nếu có) là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận này.

Any amendment or supplement to the Agreement must be agreed upon in writing by the two Parties. The Agreement appendixes, amendments and supplements to the Agreement (if any) are an integral part of this Agreement.

Các bên và/hoặc đại diện giữa Các bên đã đọc kỹ, hiểu, nắm rõ nội dung và cùng nhau ký tên dưới đây để xác lập Thỏa thuận này.

The Parties and/or representatives between the Parties have carefully read, understood, acknowledged the content and jointly signed the following to establish this Agreement.

ĐỂ XÁC NHẬN, Các Bên đã ký kết Thỏa thuận này vào ngày tháng năm được ghi ở trang đầu của Thỏa Thuận.

FOR CONFIRMATION, the Parties have signed this Agreement on the date indicated on the first page of the Agreement.

BÊN B sẽ nhận được áp dụng ưu đãi (nếu có) theo Chính sách bán hàng khi ký Hợp đồng mua bán.

Party B will receive the incentives (if any) according to the Sales Policy when signing the Sales and Purchase Contract.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF PARTY A
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Sign and write full name)

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF PARTY B
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Sign and write full name)

